

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỨ THỦY TINH VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một Thành viên Sành sứ Thủy tinh Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301446937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006. Và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 11 năm 2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là : Vietnam Ceramic Glass Joint Stock Company  
Tên viết tắt : VINACEGLASS JSC

Trụ sở chính của Công ty tại số 20 - 24 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Lê Dũng	Chủ tịch
	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Bà Huỳnh Thị Kim Hoa	Thành viên
	Ông Nguyễn Hữu Khai	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Thái Thanh	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2013)
	Ông Phan Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Khai	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2013)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Thái Thanh**

**Tổng Giám đốc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014*

Số. 327/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Đánh giá ảnh hưởng các yếu tố ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 lên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:*

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 4 năm 2013 với ý kiến ngoại trừ:

+ Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn với số tiền là 4.050.000.000 đồng và số dư dự phòng giảm giá các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9.758.479.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp được cơ sở hợp lý của các khoản trích lập dự phòng nêu trên.

Những khoản dự phòng này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

+ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các đơn vị Công ty có các khoản đầu tư liên doanh, liên kết như Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89; Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Phát triển Đầu tư Việt Nam; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Habeco với tổng số tiền là 15.368.850.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã cung cấp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các khoản đầu tư có liên quan.

+ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ đối với khoản công nợ phải trả người bán và người mua trả tiền trước với số tiền lần lượt là 832.038.300 đồng và 2.670.968.710 đồng, trong đó số dư phải trả người bán không đối chiếu được là 475.620.220 đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo quy định tại Điều 5, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009, quy định về cơ sở trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính: Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì các doanh nghiệp không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu vào các Công ty Cổ phần Thủy tinh Gò Vấp; Công ty Cổ phần An Phú; Công ty Cổ phần Xây dựng Vina; Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Việt; Công ty Cổ phần Tư vấn Giải pháp Kinh doanh & Phần mềm Sao Khuê với tổng giá trị là 11.576.560.000 đồng và Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 9.758.479.000 đồng. Những cổ phiếu này chưa được niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX); Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và chưa được giao dịch tại các Công ty chứng khoán nên việc Công ty trích dự phòng các khoản nêu trên là chưa phù hợp. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hợp lý của khoản dự phòng trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Nguyễn Anh Tuấn****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0779-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014*

---

**Nguyễn Tiến Trình****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1806-2013-075-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>26.716.576.743</b>	<b>33.122.899.069</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>2.314.405.257</b>	<b>19.261.048.715</b>
1. Tiền	111		2.314.405.257	19.261.048.715
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6.2</b>	<b>14.209.863.224</b>	<b>6.645.243.067</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		7.353.522.777	6.623.569.876
2. Trả trước cho người bán	132		168.275.000	163.875.000
5. Các khoản phải thu khác	135		8.067.633.243	996.309.507
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.379.567.796)	(1.138.511.316)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.3</b>	<b>9.009.272.898</b>	<b>6.221.017.755</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.720.173.848	7.021.789.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(710.900.950)	(800.771.353)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.183.035.364</b>	<b>995.589.532</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.468.487	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		548.097.354	262.584.096
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6.4	525.969.523	525.969.523
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.5	82.500.000	207.035.913
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>65.085.812.016</b>	<b>68.069.820.936</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.326.472.098</b>	<b>17.224.743.417</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	6.371.863.976	6.676.936.898
- Nguyên giá	222		21.128.924.422	19.840.486.373
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.757.060.446)	(13.163.549.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.7	8.954.608.122	9.369.331.387
- Nguyên giá	228		11.236.741.797	11.236.741.797
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.282.133.675)	(1.867.410.410)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.8	-	1.178.475.132
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>6.9</b>	<b>5.055.864.175</b>	<b>5.421.777.855</b>
- Nguyên giá	241		6.903.445.677	6.903.445.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.847.581.502)	(1.481.667.822)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44.439.578.322</b>	<b>45.316.958.322</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.10	21.052.927.322	21.052.927.322
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.11	33.145.130.000	34.022.510.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	6.12	(9.758.479.000)	(9.758.479.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>263.897.421</b>	<b>106.341.342</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.13	263.897.421	106.341.342
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>91.802.388.759</b>	<b>101.192.720.005</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>8.795.994.235</b>	<b>11.877.122.087</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.795.994.235</b>	<b>11.877.122.087</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.14	3.832.317.445	4.124.875.875
2. Phải trả người bán	312	6.15	1.437.720.237	832.038.300
3. Người mua trả tiền trước	313	6.16	76.724.222	2.670.968.710
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.17	59.950.953	98.216.248
6. Chi phí phải trả	316		10.828.029	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.18	2.744.633.231	3.517.202.836
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		633.820.118	633.820.118
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>83.006.394.524</b>	<b>89.315.597.918</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.19</b>	<b>83.006.394.524</b>	<b>89.315.597.918</b>
1. Vốn đầu tư của CSH	411		94.999.560.000	94.999.560.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		720.006.784	720.006.784
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.495.193.946	2.495.193.946
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.208.366.206)	(8.899.162.812)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>91.802.388.759</b>	<b>101.192.720.005</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Nguyễn Minh Chi

Đào Nguyễn Minh Chi

Trần Thái Thanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

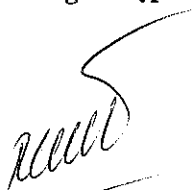
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.20	17.864.885.240	16.067.463.209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>17.864.885.240</b>	<b>16.067.463.209</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.21	12.656.299.734	10.133.598.263
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>5.208.585.506</b>	<b>5.933.864.946</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.22	2.069.028.408	2.122.985.480
7. Chi phí tài chính	22	6.23	515.135.622	814.183.622
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		439.009.947	971.436.670
8. Chi phí bán hàng	24	6.24	987.396.481	898.877.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.25	12.097.789.955	9.956.721.574
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+} 21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(6.322.708.144)</b>	<b>(3.612.932.423)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.26	47.076.782	225.432.742
12. Chi phí khác	32	6.26	33.572.032	155.356.628
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>13.504.750</b>	<b>70.076.114</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(6.309.203.394)</b>	<b>(3.542.856.309)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.27	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(6.309.203.394)</b>	<b>(3.542.856.309)</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.28</b>	<b>(664,1)</b>	<b>(372,9)</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Nguyễn Minh Chi

Đào Nguyễn Minh Chi

Trần Thái Thanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013
		VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.309.203.394)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.438.687.146
- Các khoản dự phòng	03	151.186.077
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(887.376.623)
- Chi phí lãi vay	06	439.009.947
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.167.696.847)
- Biến động các khoản phải thu	09	(8.129.689.895)
- Biến động hàng tồn kho	10	(2.698.384.740)
- Biến động các khoản phải trả	11	(3.652.203.160)
- Biến động chi phí trả trước	12	(184.024.566)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(826.318.687)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	163.035.913
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.495.281.982)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(102.034.801)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22	1.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	877.380.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.841.196.954
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.632.997.130
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.925.555.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(292.558.430)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.946.643.458)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.261.048.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>2.314.405.257</u>

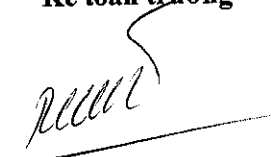
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập

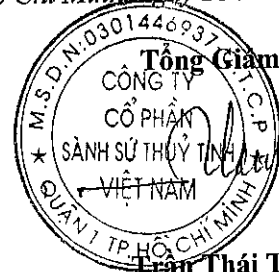


Đào Nguyễn Minh Chi

Kế toán trưởng



Đào Nguyễn Minh Chi



Tổng Giám đốc

Trần Thái Thanh

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	589.083.922	421.011.819
Tiền gửi ngân hàng	1.725.321.335	18.840.036.896
<b>Tổng</b>	<b>2.314.405.257</b>	<b>19.261.048.715</b>

**6.2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

*Phải thu của khách hàng*

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	2.475.000.000	2.531.885.400
Chi nhánh Hà Nội	776.585.050	831.322.105
Chi nhánh Hải Dương	23.295.996	23.295.996
Chi nhánh Bình Dương	247.273.446	297.766.676
Chi nhánh Bà Rịa	1.123.330.496	800.089.890
Phải thu các đối tượng khác	2.708.037.789	2.139.209.809
<b>Tổng</b>	<b>7.353.522.777</b>	<b>6.623.569.876</b>

*Trả trước cho người bán*

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Tp. HCM	85.000.000	85.000.000
Công ty Cổ phần XNK Ngũ Cốc	74.275.000	69.875.000
Phải thu các đối tượng khác	9.000.000	9.000.000
<b>Tổng</b>	<b>168.275.000</b>	<b>163.875.000</b>

*Các khoản phải thu ngắn hạn khác*

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP TV GPKD & PM Sao Khuê	168.583.243	198.583.243
Ban Quản lý dự án Miền Trung	-	16.664.260
Nguyễn Thành Lượng	749.050.000	749.050.000
Ngân hàng TMCP Vietinbank	7.000.000.000	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phiếu	150.000.000	-
Phải thu khác	-	32.012.004
<b>Tổng</b>	<b>8.067.633.243</b>	<b>996.309.507</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỬ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.654.577.433	1.094.021.161
Công cụ, dụng cụ	29.127.676	29.127.676
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	344.582.011	138.360.323
Thành phẩm	1.185.892.827	966.233.134
Hàng hoá	6.505.993.901	4.794.046.814
<b>Tổng</b>	<b>9.720.173.848</b>	<b>7.021.789.108</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(710.900.950)	(800.771.353)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>9.009.272.898</b>	<b>6.221.017.755</b>

**6.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	525.969.523	525.969.523
<b>Tổng</b>	<b>525.969.523</b>	<b>525.969.523</b>

**6.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	82.500.000	44.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	163.035.913
<b>Tổng</b>	<b>82.500.000</b>	<b>207.035.913</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỬ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	7.014.089.258	7.230.361.103	4.581.512.064	1.014.523.948	19.840.486.373
Tăng trong năm	-	1.230.000.000	81.820.000	41.157.279	1.352.977.279
Mua trong năm	-	1.230.000.000	-	41.157.279	1.271.157.279
Sửa chữa lớn	-	-	81.820.000	-	81.820.000
Giảm trong năm	-	-	-	64.539.230	64.539.230
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	27.630.140	27.630.140
Giảm khác	-	-	-	36.909.090	36.909.090
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>7.014.089.258</b>	<b>8.460.361.103</b>	<b>4.663.332.064</b>	<b>991.141.997</b>	<b>21.128.924.422</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	3.163.308.978	6.314.677.166	2.862.041.607	823.521.724	13.163.549.475
Tăng trong năm	434.686.146	702.870.266	462.052.484	58.441.305	1.658.050.201
Khấu hao trong năm	434.686.146	702.870.266	462.052.484	58.441.305	1.658.050.201
Giảm trong năm	-	-	-	64.539.230	64.539.230
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	27.630.140	27.630.140
Giảm khác	-	-	-	36.909.090	36.909.090
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>3.597.995.124</b>	<b>7.017.547.432</b>	<b>3.324.094.091</b>	<b>817.423.799</b>	<b>14.757.060.446</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2013	3.850.780.280	915.683.937	1.719.470.457	191.002.224	6.676.936.898
Tại 31/12/2013	3.416.094.134	1.442.813.671	1.339.237.973	173.718.198	6.371.863.976

**6.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	10.329.239.786	907.502.011	11.236.741.797
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>10.329.239.786</b>	<b>907.502.011</b>	<b>11.236.741.797</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	1.144.846.292	722.564.118	1.867.410.410
Tăng trong năm	229.785.372	184.937.893	414.723.265
Khấu hao trong năm	229.785.372	184.937.893	414.723.265
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>1.374.631.664</b>	<b>907.502.011</b>	<b>2.282.133.675</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2013	9.184.393.494	184.937.893	9.369.331.387
Tại 31/12/2013	8.954.608.122	-	8.954.608.122

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỬ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.8 Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng Nhà máy Bia - Bà Rịa	-	1.178.475.132
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.178.475.132</b>

**6.9 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà xưởng	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2013	6.903.445.677	6.903.445.677
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2013	<u>6.903.445.677</u>	<u>6.903.445.677</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2013	1.481.667.822	1.481.667.822
Tăng trong năm	365.913.680	365.913.680
Khấu hao trong năm	365.913.680	365.913.680
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2013	<u>1.847.581.502</u>	<u>1.847.581.502</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2013	<u>5.421.777.855</u>	<u>5.421.777.855</u>
Tại 31/12/2013	<u>5.055.864.175</u>	<u>5.055.864.175</u>

**6.10 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Đối tượng	Vốn điều lệ VND	Giá trị cam kết góp VND	Giá trị góp vốn
			31/12/2013 VND
<b>1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>21.052.927.322</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Bia	30.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Hà Nội - Hưng Yên 89			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển	100.000.000.000	40.000.000.000	15.052.927.322
Miền Trung (CER)			

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỨ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

<b>Đối tượng</b>	<b>Vốn điều lệ VND</b>	<b>Giá trị cam kết góp VND</b>	<b>Giá trị góp vốn 31/12/2013</b>
<b>1. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>20.968.570.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Habeco	300.000.000.000	60.000.000.000	9.218.850.000
Công ty Cổ phần Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực Miền Trung (CTV)	100.000.000.000	40.000.000.000	11.749.720.000

<b>Đối tượng</b>	<b>31/12/2013</b>		<b>01/01/2013</b>	
	<b>Số lượng (CP)</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Số lượng (CP)</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
<b>2. Đầu tư dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần An Phú	90.000	9.900.000.000	90.000	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Việt	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu	50.000	600.000.000	108.000	1.327.380.000
Công ty CP TV GPKD & PM Sao Khuê	27.656	276.560.000	27.656	276.560.000
Công ty Cổ phần Thủy tinh Gò Vấp	3.000	300.000.000	3.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Vina	-	100.000.000	-	100.000.000
Cty CP Thương mại tổng hợp & Phát triển đầu tư Việt Nam				150.000.000
<b>Tổng</b>	<b>270.656</b>	<b>12.176.560.000</b>	<b>328.656</b>	<b>13.053.940.000</b>

**6.12 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Công ty Cổ phần Thủy tinh Gò Vấp	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần An Phú	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Vina	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Việt	81.919.000	81.919.000
Công ty CP TV GPKD & PM Sao Khuê	276.560.000	276.560.000
<b>Tổng</b>	<b>9.758.479.000</b>	<b>9.758.479.000</b>

**6.13 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
Di dời Nhà máy tại Bà Rịa	66.232.342	86.081.342
Đầu tư xưởng cơ khí CN Bình Dương	197.665.079	20.260.000
<b>Tổng</b>	<b>263.897.421</b>	<b>106.341.342</b>

**6.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
<b>1. Vay tổ chức tín dụng</b>	<b>1.571.422.445</b>	<b>575.980.875</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp. HCM	1.571.422.445	575.980.875
<b>2. Vay cá nhân</b>	<b>2.260.895.000</b>	<b>3.548.895.000</b>
Vay cá nhân CBCNV	2.260.895.000	3.548.895.000
<b>3. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>3.832.317.445</b>	<b>4.124.875.875</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỨ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.15 Phải trả người bán**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
CN Công ty Cổ phần XNK Bắc Ninh	383.852.946	465.110.438
Sibelco Nordic As	532.109.600	172.762.200
Chi nhánh Bà Rịa	441.859.509	132.381.000
Phải thu các đối tượng khác	79.898.182	61.784.662
<b>Tổng</b>	<b>1.437.720.237</b>	<b>832.038.300</b>

**6.16 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Carlberg Breweries A/s	-	1.638.330.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 5	-	500.000.000
Phải thu các đối tượng khác	76.724.222	532.638.710
<b>Tổng</b>	<b>76.724.222</b>	<b>2.670.968.710</b>

**6.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	39.860.109	5.317.756
Thuế thu nhập cá nhân	20.090.844	92.898.492
<b>Tổng</b>	<b>59.950.953</b>	<b>98.216.248</b>

**6.18 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
KPCĐ, BHYT, BHXH, BHTN	18.196.716	84.161.236
Cổ tức còn phải trả	1.000.000.000	2.663.041.600
Viet CEO đặt cọc	750.000.000	770.000.000
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất	976.436.515	-
CN Hà Nội, CN Hải Dương	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.744.633.231</b>	<b>3.517.202.836</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNH SỮ THỦY TINH VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	94.999.560.000	(605.870)	720.006.784	2.495.193.946	(5.356.306.503)	92.857.848.357
Tăng trong năm	-	7.409.036	-	-	(3.542.856.309)	(3.535.447.273)
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	-	-	(3.542.856.309)	(3.542.856.309)
Tăng khác	-	7.409.036	-	-	-	7.409.036
Giảm trong năm	-	6.803.166	-	-	-	6.803.166
Giảm khác	-	6.803.166	-	-	-	6.803.166
Số dư tại 31/12/2012	94.999.560.000	-	720.006.784	2.495.193.946	(8.899.162.812)	89.315.597.918
Số dư tại 01/01/2013	94.999.560.000	-	720.006.784	2.495.193.946	(8.899.162.812)	89.315.597.918
Tăng trong năm	-	-	-	-	(6.309.203.394)	(6.309.203.394)
Lỗ kinh doanh trong năm	-	-	-	-	(6.309.203.394)	(6.309.203.394)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	94.999.560.000	-	720.006.784	2.495.193.946	(15.208.366.206)	83.006.394.524

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỬ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn góp thực tế	
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ
	CP	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Vốn Nhà nước	1.200.000	12.000.000.000	12	6.746.360.000	7,1%
Các cổ đông khác	8.800.000	88.000.000.000	88	88.253.200.000	92,9%
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>94.999.560.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	94.999.560.000	94.999.560.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	94.999.560.000	94.999.560.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.499.956	9.499.956
Cổ phiếu phổ thông	9.499.956	9.499.956
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.499.956	9.499.956
Cổ phiếu phổ thông	9.499.956	9.499.956
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**6.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.864.885.240	16.067.463.209
<b>Tổng</b>	<b>17.864.885.240</b>	<b>16.067.463.209</b>

**6.21 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.656.299.734	10.133.598.263
<b>Tổng</b>	<b>12.656.299.734</b>	<b>10.133.598.263</b>

**6.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.083.628.289	607.825.911
Lãi đầu từ trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	142.620.000	983.635.006
Cổ tức, lợi nhuận được chia	838.603.466	523.722.751
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.176.653	7.801.812
<b>Tổng</b>	<b>2.069.028.408</b>	<b>2.122.985.480</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỬ THỦY TINH VIỆT NAM**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.23 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	439.009.947	971.436.670
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	700.222.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.653.616	16.517.843
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(873.992.891)
Chi phí tài chính khác	63.472.059	-
<b>Tổng</b>	<b>515.135.622</b>	<b>814.183.622</b>

**6.24 Chi phí bán hàng**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	136.009.088	53.209.296
Chi phí thuê kho	357.136.368	3.050.000
Chi phí bao bì đóng gói	29.209.383	-
Chi phí vận chuyển bán hàng	312.091.547	267.293.710
Chi quảng cáo, khuyến mãi	93.766.989	65.597.596
Chi phí bán hàng khác	59.183.106	509.727.051
<b>Tổng</b>	<b>987.396.481</b>	<b>898.877.653</b>

**6.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.407.499.247	3.876.791.476
Chi phí vật liệu quản lý	47.703.673	210.212.732
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.074.246	64.340.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.943.216.784	2.072.130.953
Thuế, phí và lệ phí	693.853.627	29.927.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.442.972.632	2.864.046.752
Chi phí bằng tiền khác	482.469.746	839.271.129
<b>Tổng</b>	<b>12.097.789.955</b>	<b>9.956.721.574</b>

**6.26 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>47.076.782</b>	<b>225.432.742</b>
Nhượng bán thanh lý tài sản cố định	1.000.000	140.000.000
Thu bán phế liệu	11.076.782	1.500.000
Thu nhập khác	35.000.000	83.932.742
<b>Tổng</b>	<b>47.076.782</b>	<b>225.432.742</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>33.572.032</b>	<b>155.356.628</b>
Xử lý hàng hóa sau kiểm kê	25.742.271	136.046.294
Chi phí khác	7.829.761	19.310.334
<b>Tổng</b>	<b>33.572.032</b>	<b>155.356.628</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>13.504.750</b>	<b>70.076.114</b>

**6.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(6.309.203.394)</b>	<b>(3.542.856.309)</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>838.603.466</i>	<i>523.722.751</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>838.603.466</i>	<i>523.722.751</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(7.147.806.860)</b>	<b>(4.066.579.060)</b>
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không thực hiện việc tính và xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, do Ban Giám đốc Công ty chưa có kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được xác định tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**6.28 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(6.309.203.394)</b>	<b>(3.542.856.309)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(6.309.203.394)</b>	<b>(3.542.856.309)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	9.499.956	9.499.956
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(664,1)</b>	<b>(372,9)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀNH SỬ THỦY TINH VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>VND</u>
Ban Giám đốc	Thu nhập từ lương và khác	1.149.179.000	
<b>Tổng</b>		<b>1.149.179.000</b>	

**Các giao dịch khác nội bộ**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	Công ty liên kết	Nhận lãi cho vay	-	21.688.800		
Công ty Cổ phần Bìa Hà Nội - Vũng Tàu	Đầu tư khác	Nhận tiền cổ tức	-	420.000.000		
Công ty Cổ phần An Phú	Đầu tư khác	Tặng vốn điều lệ	-	380.000.000		
Công ty Cổ phần và Phát triển Nguồn nhân lực Miền Trung (CTV)	Đầu tư khác	Thu cổ tức	-	45.000.000		
<b>Tổng</b>			<b>-</b>	<b>925.411.551</b>		

**Số dư phải thu các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/13/2013</u>	<u>01/01/2013</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	Vay ngắn hạn	2.475.000.000	2.531.885.400		
<b>Tổng</b>		<b>2.475.000.000</b>	<b>2.531.885.400</b>		

**7.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến ngoại trừ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



*Đào Nguyễn Minh Chi*

**Đào Nguyễn Minh Chi**

**Trần Thái Thanh**

